

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Thủy;

Ông Quách Văn Thành.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án Hình sự thụ lý số 32/TLPT- HS ngày 21 tháng 01 năm 2020; Do có kháng cáo đối với bản án số 369/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXPT- HS ngày 20 tháng 02 năm 2020, đối với:

Bị cáo có kháng cáo: Lê H, sinh năm 1988; ĐKNKTT tại: SN A Thọ Hạc, phường Đ, thành phố Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: SN B Nguyễn Mộng T, phường N, thành phố Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lê Đức G và con bà Ngô Thị D; vợ là Nguyễn Thị Diệu H và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/6/2008 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ: 08/01/2019; tạm giam: 17/01/2019; đến ngày 29/01/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992, vắng mặt;

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1992, vắng mặt;

Nơi ĐKNKTT tại: SN C ngõ S, đường Trần Xuân S, phường Đ, thành phố Thanh Hóa; trú tại: Khu tập thể Z111, Tây Ga, phường P, thành phố Thanh Hóa.

3. Anh Vũ Trường M, sinh năm 1992, vắng mặt;

Trú tại: SN N Tân An 8 (125 Duy Tân), phường N, TP Thanh Hóa.

4. Anh Phan Hồng T, sinh năm 1992, vắng mặt;

Trú tại: SN A Nguyễn Đức Th, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

5. Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1992, vắng mặt;

Trú tại: Thôn M, xã Q, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Lê Anh T, sinh năm 1993, vắng mặt;
Trú tại: SN V Trần Oanh, phường T, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/1/2019, cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa tiếp nhận tin tố giác tội phạm của anh Trần Văn Ph về việc vay tiền của Lê H với lãi suất cao, bị Lê H đe dọa, ép buộc bố mẹ anh Ph phải trả nợ thay.

Ngày 08/01/2019, cơ quan CSĐT T hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lê H. Kết quả khám xét đã thu giữ một số giấy tờ liên quan đến việc cho vay nợ cùng nhiều sổ sách và 03 chiếc điện thoại di động gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone 5S số imeil 013852007122384 bên trong có số sim 0941828282;

- 01 điện thoại di động Iphone XS Mã số imeil 357265092903416 bên trong có số sim 0947573456;

- 01 điện thoại di động Nokia 8800 số seri 358645011197399 bên trong có số sim 0975851986.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã có Công văn gửi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu trả lời phương pháp tính lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước gồm mức lãi suất được phép thu và lãi suất không được phép thu. Đồng thời, thông báo phát trên thông tin đại chúng để tìm người đã vay tiền của H, yêu cầu đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa khai báo.

Ngày 15/01/2019 và ngày 01/2/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa có Công văn số 31/THH2 và Công văn số 106/THH2 trả lời phương pháp tính lãi suất và lãi suất được phép thu là không quá 20% năm của khoản vay, trường hợp vượt quá lãi suất này thì không có hiệu lực.

Lãi suất tính lãi = $\frac{\text{Số tiền lãi ngày} \times 365 \times 100\%}{\text{Số dư thực tế}}$

(% năm)

Số dư thực tế

Kết quả điều tra cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã chứng minh được từ đầu năm 2018 đến ngày 07/01/2019 Lê H đã cho vay và thu lãi của người vay như sau:

Người vay thứ nhất: Nguyễn Văn Tr, sinh 1992 trú tại xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Tr vay của H tổng cộng 7 lần, gồm:

Lần 1: Ngày 09/01/2018, Tr đi cùng với Phạm Hồng T, sinh 1992 trú tại SN 37 Nguyễn Đức Th, phường Đ, thành phố Thanh Hóa đến chỗ ở của H vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đồng (có viết giấy vay tiền). Lãi suất hai bên thỏa thuận 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm). H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày trả lãi một lần. Đến ngày 07/1/2019, H đã thu được 37 lần tiền lãi = 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

Lần 2: Ngày 09/3/2018, H cho Tr vay số tiền 40 triệu đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, 10

ngày trả lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 31 lần = 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng).

Lần 3: Ngày 09/4/2018, H cho Tr vay 10 triệu đồng, H không thu lãi.

Lần 4: Ngày 27/9/2018, H cho Tr vay số tiền 50 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, 10 ngày trả lãi một lần đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 11 lần = 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 5: Ngày 30/9/2018, H cho Tr vay số tiền 30 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, 10 ngày trả lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 10 lần = 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Lần 6: Ngày 12/2/2018, H cho Tr vay số tiền 50 triệu đồng lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 146% năm), H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 33 lần = 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Lần 7: Ngày 16/6/2018, H cho Tr vay số tiền 50 triệu đồng lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 109,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 21 lần = 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền H cho Tr vay là 250 triệu đồng. Số tiền H đã thu lãi là 239 triệu đồng. Tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của nhà nước là 26.191,780 đồng. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 212.808.220 đ. Hiện nay Tr chưa trả tiền gốc cho H.

Người vay thứ hai: Trịnh Văn H, sinh 1992 trú tại SN C Ngõ S, phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Hùng vay của H tổng cộng 05 lần, gồm:

Lần 1: Tháng 6/2018, Trịnh Văn H đi cùng với Nguyễn Văn Tr, sinh 1992 trú tại xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa đến gặp H vay 40 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019 H đã thu lãi được 16 lần = 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 2: Cách khoảng 20 ngày sau lần 1, H cho Trịnh Văn H vay 5 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), đến ngày 07/01/2019 H đã thu lãi được 14 lần = 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 3: Khoảng tháng 7/2018, H cho Trịnh Văn H vay số tiền 15 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), Tính từ 01/8/2018 H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019 H đã thu lãi được 13 lần = 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 4: Cuối tháng 8/2018, H cho Trịnh Văn H vay số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), từ 01/9/2018, H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 13 lần = 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Lần 5: Ngày 10/9/2018, H cho Trịnh Văn H vay số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, đến ngày 07/01/2019, H đã thu lãi được 12 lần = 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Trong quá trình vay tiền của H có lần Trịnh Văn H đến vay, trả lãi trực tiếp, có lần vay, trả lãi bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 078100099910 của Trịnh Văn H mở tại Ngân hàng Vietcombank vào tài khoản Ngân hàng VP Bank 125070558 của H. Tổng số tiền H cho Trịnh Văn H vay là 100 triệu đồng. Số tiền H đã thu lãi là 70.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của nhà nước là 7.698.630 đồng. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 62.551.370 đ. Hiện nay Trịnh Văn H chưa trả tiền gốc cho H.

Người vay thứ ba: Vũ Trường M, sinh 1992 trú tại số nhà N Tân An 8 (125 Duy T), phường N, TP Thanh Hóa. M vay của H tổng cộng 3 lần gồm:

Lần 1: Ngày 12/5/2018, M đi cùng với Trần Văn Ph đến nhà H, M vay của H số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 22/8/2018, đã thu được 10 lần = 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Lần 2: Ngày 12/6/2018, H cho M vay số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 22/8/2018, đã thu được 7 lần = 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Lần 3: Ngày 28/8/2018, M đi cùng với Trần Văn Ph, sinh 1992 trú tại Thôn M, xã Q, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa đến nhà H vay số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày được 1 lần = 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tổng số tiền H cho M vay là 60 triệu đồng. Tổng tiền lãi đã thu được 18 triệu đồng. Tổng lãi được phép thu theo quy định là 1.972.602đ. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 16.027.398 đ. Sau khi vay tiền vào ngày 28/8/2018 M bỏ trốn, không trả lãi và gốc cho H.

Người vay thứ tư: Phan Hồng T, sinh 1992 trú tại A Nguyễn Đức Th, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

Ngày 01/02/2018, T đi cùng với Đặng Hoàng T, sinh 1993 nhà ở Hoàng Văn Thụ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến nhà H vay số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm). Đến ngày 1/11/2018 H thu lãi được 30 lần = 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) và toàn bộ tiền gốc.

Tổng lãi được phép thu theo quy định là 8.219.178. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.780.822 đ.

Người vay thứ năm: Trần Văn Ph, sinh 1992 trú tại thôn Thôn M, xã Q, huyện Th tỉnh Thanh Hóa. Ph vay của H tổng 5 lần gồm:

Lần 1: Ngày 26/7/2018, Ph đi cùng với Trịnh Văn H đến nhà H vay số tiền 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 17 lần = 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Lần 2: Ngày 29/9/2018, Ph vay H số tiền 50 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 10 lần = 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần 3: Ngày 20/10/2018, Ph vay H số tiền 70 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 8 lần = 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Lần 4: Cuối tháng 10/2018, Ph vay H số tiền 100 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 7 lần = 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Lần 5: Ngày 10/11/2018, Ph vay H số tiền 30 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 6 lần = 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Trong quá trình vay tiền của H có lần Ph đến vay, trả lãi trực tiếp, có lần vay, trả lãi bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 114888605 Ngân hàng VP Bank của Ph vào tài khoản Ngân hàng VP Bank 125070558 của H. Tổng số tiền Ph vay của H là 270 triệu đồng. Tổng số tiền H đã thu lãi là 114.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của Nhà nước là 12.493.150 đồng. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 101.506.850 đ. Hiện nay Ph chưa trả khoản tiền gốc nào.

Người vay thứ sáu: Lê Anh T, sinh 1993 trú tại SN V Trần Oanh, phường T, thành phố Thanh Hóa.

Ngày 17/12/2018, T vay của H số tiền 30 triệu đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm), H thu lãi trước 10 ngày, 10 ngày thu lãi một lần, đến ngày 07/01/2019, đã thu lãi được 2 lần = 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của Nhà nước là 328.767 đồng. Số tiền H không được phép thu (thu lời bất chính) là 2.671.233 đ. Hiện nay T chưa trả tiền gốc cho H.

Tổng số tiền H cho 06 người nêu trên vay là 760 triệu đồng. Tổng số tiền H đã thu lãi là 519.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi H được phép thu theo quy định của Nhà nước là 56.904.107 đồng. Số tiền H thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 462.345.893 đồng.

Tại cơ quan CSĐT, những người vay tiền trên đều khai nhận: Khi vay tiền của H người vay phải viết giấy vay tiền, lãi suất của khoản tiền vay do H quy định

và không ghi trong giấy vay tiền. Khi vay tiền lần đầu, nếu vay 10 triệu đồng thì sẽ bị H cắt phé 1 triệu đồng, vay tiếp lần sau sẽ bị H cắt phé 500.000 đồng. Khi nhận tiền vay, H thu tiền lãi trước của 10 ngày, sau đó 10 ngày thu lãi một lần và thu lãi trước, người vay có thể trả lãi trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng VP Bank số 125070558 mang tên Lê H. Đồng thời những người này có đề nghị đối với số tiền đã nộp lãi cho H vượt quy định được trừ vào số tiền gốc mà họ chưa trả cho H. Đối với số tiền lãi Phạm Hồng T đã trả cho H vượt quy định, anh T yêu cầu H trả lại.

Ngoài ra, Lê H còn cho những người vay tiền lấy lãi như sau:

- Đặng Hoàng T, sinh 1993 nhà ở đường H, phường T, thành phố Thanh Hóa. Tháng 10/2018 T vay của H 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày (tương đương 182,5% năm). Đến tháng 12/2018 T đã trả cả lãi và gốc. Số lãi T đã trả là 9 triệu đồng.

- Nguyễn Đức T, sinh 1993 trú tại 03/147 Đông T, phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Ngày 2/3/2018 T vay của H 10 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày (tương đương 182,5% năm). Đến tháng 01/9/2018 vay tiếp số tiền 15 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày (tương đương 182,5% năm) . Đến 07/01/2019 H đã thu lãi được 20 triệu đồng.

- Lê Tổng A, sinh 1993 trú tại lô 556 Mặt bằng 530, phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Tháng 8/2018 H cho Tổng A vay số tiền 5 triệu đồng, khoảng 7 ngày sau Tổng A vay tiếp 5 triệu đồng. Tổng là 10 triệu đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm). Đến cuối tháng 12/2018 Tổng A đã trả toàn bộ lãi và gốc. H thu được khoảng 6 triệu đồng tiền lãi.

- Vũ Ngọc L (Ph không biết năm sinh) trú tại 17 M phường L, thành phố Thanh Hóa: Ngày 27/7/2018 (âm lịch) tức 1/8/2018 H cho lâm vay 20 triệu đồng lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5% năm). Hiện H đã thu được 15 triệu tiền lãi.

- Đặng Hoàng Th, sinh 1979 nhà ở phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa. Khoảng tháng 11/2018 H cho Thanh vay 460 triệu đồng lãi suất 1.000đ/1 triệu/1 ngày, cả hai thống nhất tiền lãi một tháng trả 1 lần. Hiện nay Thanh chưa trả tiền gốc.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã có giấy triệu tập các anh Đặng Hoàng T, Nguyễn Đức T, Vũ Ngọc L và Đặng Hoàng Th để làm rõ việc vay tiền của H, nhưng những người này không đến làm việc. Do đó chưa có căn cứ để xác định có hay không việc những người này vay tiền, trả lãi cho H. Đối với người vay Lê Tổng A cho rằng việc vay tiền của H là giao dịch dân sự, không yêu cầu đề nghị cơ quan điều tra xem xét.

Tại cơ quan CSĐT, Lê H đã khai nhận hành vi cho những người nêu trên vay tiền thu lãi là đúng, nhưng không thừa nhận khoản tiền cắt phé. Cơ quan CSĐT cũng không thu giữ được tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi cắt phé của H.

Tại bản án bản án số 369/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của BLHS. Khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê H 09 (chín) tháng tù, nhưng được trừ 21 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/01/2019 đến 29/01/2019). Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 09 (chín) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về truy thu tiền của bị cáo để sung quỹ nhà nước, buộc bị cáo trả lại tiền lãi vượt mức qui định cho người vay, quyền của bị cáo yêu cầu người vay trả nợ gốc, về tang vật, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày tháng 29- 11- 2020, Lê H có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm hình phạt hoặc được hưởng án treo. Cùng với đơn kháng cáo, bị cáo Lê H xuất trình Văn bản số 825/CSĐT ngày 16- 7- 2019 của Công an huyện Ngọc Lặc xác nhận Lê H đã báo cho cơ quan bắt quả tang vụ án đánh bạc; có bố là ông Lê đức Giới được tặng Huân chương chiến công; Huân chương chiến sỹ vẻ vang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê H không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Mặc dù ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo Lê H có các tình tiết giảm nhẹ mới tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, có bố được tặng thưởng nhiều Huân chương theo qui định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Nhưng xét thấy bị cáo có hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thu lợi bất chính với số tiền lớn, tuy vậy mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có phần nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của Tòa án sơ thẩm: Lê H đã có hành vi cho sáu người vay tổng số tiền 760.000.000 đồng với lãi suất gấp trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính 462.345.893 đồng. Tòa án sơ thẩm đã xử Lê H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, phạt

9 tháng tù. Tội danh và hình phạt Tòa án sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo Lê H có các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, tình tiết tăng nặng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tòa án sơ thẩm đã xử phạt Lê H 9 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là tương xứng với hành vi phạm tội cũng như để đảm bảo cho việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy vậy, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Lê H có tình tiết giảm nhẹ mới là tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, có bố được tặng thưởng nhiều Huân chương theo qui định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở được chấp nhận; kháng cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Những nội dung quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Bị cáo được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b điểm s điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 369/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về hình phạt;

Xử phạt bị cáo Lê H 07 (Bảy) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến 29/01/2019.

Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Công an thành phố Thanh Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Quốc Văn

- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.